

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 -
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 217/2025/HNGĐ-ST

Ngày : 29/7/2025

V/v : “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Phạm Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân : 1/- Ông Võ Thành Viên

2/- Bà Trương Thị Hồng Phương

Thư ký phiên tòa : Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện VKSND Khu vực 7, Tp . tham gia phiên tòa : Bà Lê Thị Thu P - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1283/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 278/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Thân Thị Ngọc H sinh năm 1981.

Địa chỉ : F P, phường A (Phường A quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Phước T sinh năm 1979.

Địa chỉ : F L, phường A (Phường A quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thân Thị Ngọc H trình bày : Bà và Ông Phạm Phước T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 055, quyền số 01/2007 ngày 15/3/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống có hai con chung là Phạm Quang K 29/06/2008 và Phạm Ngọc Na H1 28/09/2013. Khi mới kết hôn cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp quan điểm sống, bất đồng ý kiến, hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng

không có kết quả. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, bà xác nhận không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Quang K 29/06/2008 và Phạm Ngọc Na H1 28/09/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 19/12/2024 bị đơn ông Phạm Phước T trình bày: ông và bà Thân Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có hai con chung tên Phạm Quang K sinh năm 2008 và Phạm Ngọc N Hy sinh năm 2013. Theo ông thì cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng ông xác nhận hiện bà H và các con đang sống bên gia đình của bà H (bên ngoại), ông muốn hòa giải nhưng bà H không đồng ý, trong trường hợp phải ly hôn ông đồng ý giao hai con chung cho bà H nuôi, tài sản vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Ngoài ra ông T cho biết ông là người có đạo nên việc ly hôn là không được phép, cho nên vợ chồng có mâu thuẫn thì ông cũng không thể ký đơn đồng ý ly hôn.

Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập nhưng vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay :

Nguyên đơn bà Thân Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Phạm Phước T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến : Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục tố tụng :*

Nguyên đơn bà Thân Thị Ngọc H yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Phước T có nơi cư trú và hiện đang sinh sống tại phường A, quận G (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật

hòa giải đôi thoại tại Tòa án năm 2025; là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. *Về thủ tục xét xử vắng mặt*: Nguyên đơn bà Thân Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Phước T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. *Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy* :

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 055, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/3/2007 thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Thân Thị Ngọc H và ông Phạm Phước T là hợp pháp.

[3.1]. *Xét yêu cầu ly hôn* :

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Thân Thị Ngọc H trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp quan điểm sống, bất đồng ý kiến, hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, bà xác nhận không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Tại bản tự khai ngày 19/12/2024 ông Phạm Phước T không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng cũng xác nhận vợ chồng đã không còn chung sống với nhau.

Theo kết quả xác minh tại A, quận G thì bà H và ông T sống khép kín nên không xác minh được mâu thuẫn.

Từ những căn cứ trên cho thấy lời khai của bà H là có cơ sở, hai bên đã sống ly thân chứng tỏ vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về quyền và nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2]. *Về con chung* : bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là Phạm Quang K 29/06/2008 và Phạm Ngọc Na H1 28/09/2013; tại bản tự khai ông T xác nhận trong trường hợp ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi; tại bản tự khai ngày 02/6/2025 các trẻ Phạm Quang K 29/06/2008 và Phạm Ngọc Na H1 28/09/2013 đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Từ các căn cứ này Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản* : các đương sự không tranh chấp về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4]. *Về án phí* : căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) thì bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thân Thị Ngọc H.

- *Về quan hệ hôn nhân* : bà Thân Thị Ngọc H được ly hôn với ông Phạm Phước T.

- *Về con chung* : Giao hai con chung là Phạm Quang K 29/06/2008 và Phạm Ngọc Na H1 28/09/2013 cho bà Thân Thị Ngọc H trực tiếp giữ nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

Ông Phạm Phước T được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi giữ hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản* : không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về án phí : Bà Thân Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014717 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp. Bà Thân Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo :

Bà Thân Thị Ngọc H, ông Phạm Phước T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND Khu vực 7-TpHCM;
- Chi cục Thi hành án Dân sự TpHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Minh Thảo